

# HOÀN THIỆN CHẾ ĐỊNH THỰC HÀNH QUYỀN CÔNG TỐ TRONG TỔ TỤNG HÌNH SỰ ĐÁP ỨNG YÊU CẦU CẢI CÁCH TƯ PHÁP Ở VIỆT NAM (KỶ I)

VŨ ĐỨC HẠNH\*

*Bài viết làm rõ những vấn đề lý luận về chế định thực hành quyền công tố (THQCT), quá trình hình thành, phát triển của chế định này trong tổ tụng hình sự (TTHS) Việt Nam từ năm 1945 đến nay; đánh giá những hạn chế của chế định thực hành quyền công tố trong TTHS hiện hành; đồng thời đưa ra những cơ sở, định hướng và kiến nghị hoàn thiện chế định này trong TTHS đáp ứng yêu cầu cải cách tư pháp hiện nay.*

*Từ khóa: Thực hành quyền công tố, tổ tụng hình sự, Bộ luật tố tụng hình sự, cải cách tư pháp.*

*Ngày nhận bài: 19/6/2020; Ngày biên tập xong: 22/6/2020; Ngày duyệt đăng: 22/6/2020.*

**This article clarifies theoretical matters on the institution of exercising the prosecution rights; its establishment and development in Vietnamese criminal procedures from 1945 up to now; reviews its limitations in current criminal procedures. At the same time, orientations and proposals to perfect that institution to meet the requirements of judicial reform are presented also.**

**Keywords: Exercising the prosecution rights, criminal procedures, the Criminal Procedures Code, judicial reform.**

**C**hế định THQCT trong TTHS là một bộ phận của luật TTHS Việt Nam từ khi thành lập nước đến nay. Trải qua các giai đoạn lịch sử, chế định này trong TTHS đã góp phần thực hiện mục tiêu của TTHS, góp phần đấu tranh, xử lý tội phạm, nâng cao chất lượng THQCT của Cơ quan công tố/Viện kiểm sát (sau đây gọi tắt là CQCT), góp phần bảo vệ công lý, bảo vệ quyền con người. Bên cạnh những thành công, chế định THQCT trong TTHS và thực tiễn thi hành chế định này còn có những bất cập, hạn chế chưa đáp ứng được yêu cầu “phát hiện kịp thời, xử lý nhanh chóng, công minh” tội phạm; chưa thực sự trở thành công cụ hữu hiệu trong việc bảo đảm cho hoạt động tố tụng dân chủ, công bằng; còn để hiện tượng bỏ

lọt tội phạm, làm oan người vô tội xảy ra, làm giảm lòng tin của xã hội đối với nền tư pháp xã hội chủ nghĩa (XHCHN). Mặt khác, trước yêu cầu phát triển kinh tế, xã hội của đất nước, yêu cầu hội nhập quốc tế, đặc biệt là yêu cầu cải cách tư pháp với mục tiêu xây dựng nền tư pháp trong sạch, vững mạnh..., chế định THQCT trong TTHS cần phải được hoàn thiện hơn nữa. Vì vậy, bài viết này tập trung làm rõ cơ sở lý luận, thực tiễn cũng như những yêu cầu và kiến nghị hoàn thiện chế định THQCT trong TTHS đáp ứng yêu cầu cải cách tư pháp ở nước ta trong giai đoạn hiện nay. Thực hiện mục tiêu này, bài viết giải đáp một số vấn đề cơ

\* *Thạc sĩ, Trưởng phòng Đào tạo và Quản lý sinh viên, Trường Đại học Kiểm sát Hà Nội.*

bản sau: (i) Chế định THQCT là gì? (ii) Chế định THQCT trong TTHS Việt Nam được hình thành, phát triển như thế nào và có tác động gì đến hiệu quả đấu tranh xử lý tội phạm? (iii) Những hạn chế của chế định thực hành quyền công tố trong TTHS hiện hành? (vi) Cơ sở, định hướng và kiến nghị hoàn thiện chế định THQCT trong TTHS đáp ứng yêu cầu cải cách tư pháp hiện nay như thế nào?

Chế định pháp luật hình thành từ lý thuyết về cấu trúc bên trong của hệ thống pháp luật được phát triển khá sớm ở các nước Châu Âu lục địa, được tiếp thu và phát triển khá mạnh mẽ ở các nước trong hệ thống XHCN mà tiêu biểu là công trình của các học giả Xô Viết (trước kia). Ở Việt Nam, khái niệm hệ thống pháp luật được các học giả xây dựng dựa trên sự tiếp thu nhất định lý luận về hệ thống pháp luật ở Liên Xô trước đây. Trên cơ sở những kết quả nghiên cứu đó, GS. TS Lê Minh Tâm đã khẳng định: “*hệ thống pháp luật là tổng thể các quy phạm pháp luật có mối liên hệ nội tại thống nhất với nhau được phân định thành các chế định pháp luật và các ngành luật, được thể hiện trong các văn bản do nhà nước ban hành theo trình tự và hình thức nhất định*”<sup>1</sup>. Quan điểm của GS. TS Lê Minh Tâm được thể hiện trong các công trình nghiên cứu về hệ thống pháp luật, đặc biệt là trong các giáo trình Lý luận về nhà nước và pháp luật của các cơ sở đào tạo luật trong nước.

Trong khoa học pháp lý hiện nay ở nước ta, có nhiều định nghĩa về chế định pháp luật nhưng các định nghĩa đều có điểm chung là: Chế định pháp luật là tổng hợp các quy phạm có những đặc điểm chung giống nhau, điều chỉnh một nhóm quan hệ xã hội có cùng tính chất. Chế định

pháp luật là cơ sở để tạo ra cơ cấu nội tại hợp lý của một ngành luật. Hiến pháp là cơ sở pháp lý của tất cả các chế định pháp luật<sup>2</sup>. Với cách tiếp cận trên về hệ thống pháp luật, khái niệm chế định pháp luật trong các giáo trình Lý luận về nhà nước và pháp luật của các cơ sở đào tạo luật trong nước có thể thấy, chế định THQCT được cấu thành bởi các quy phạm pháp luật TTHS có cùng tính chất, điều chỉnh một nhóm quan hệ có xã hội tương ứng - các quan hệ xã hội phát sinh trong quá trình CQCT thực hiện việc truy cứu trách nhiệm hình sự (TNHS) đối với người phạm tội. Để xây dựng được khái niệm khoa học về chế định THQCT, cần phải làm rõ một số đặc điểm sau của chế định THQCT:

a) *Tính tất yếu khách quan của chế định THQCT trong quá trình giải quyết vụ án hình sự*

Chế định THQCT là một chế định trong luật TTHS nên nó là một phạm trù chủ quan phản ánh hiện thực khách quan trong quá trình giải quyết vụ án hình sự. Khi bàn về pháp luật, C. Mác đã khẳng định: “*Quyền lập pháp không tạo ra luật pháp – nó chỉ phát hiện và nêu luật pháp*”<sup>3</sup>. Chế định THQCT mang tính tất yếu khách quan là do nó được xây dựng trên cơ sở nhận thức khoa học về nhu cầu, thực tiễn, yêu cầu giải quyết vụ án hình sự; yêu cầu điều chỉnh pháp luật đối với hoạt động tư pháp nói chung và THQCT nói riêng hướng tới thực hiện các chức năng của Nhà nước pháp quyền.

*Thứ nhất*, các nghiên cứu về lịch sử quyền công tố đã chỉ ra, quyền công tố ra đời cùng với sự ra đời của Nhà nước nhằm

<sup>1</sup> Lê Minh Tâm (1992), *Một số vấn đề lý luận và thực tiễn xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam*, Luận án tiến sĩ, Viện Nhà nước và Pháp luật, Hà Nội, tr.24-27, 34.

<sup>2</sup> Trường Đại học Luật Hà Nội (2008), *Giáo trình lý luận Nhà nước và pháp luật*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.

<sup>3</sup> C. Mác và Ph. Ăngghen (1995): *Toàn tập*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.1, 395.

đảm bảo cho Nhà nước khả năng phát hiện và xử lý tội phạm, một hiện tượng xã hội khách quan xâm hại đến “*hệ thân kinh của Nhà nước*”<sup>4</sup>, có xu hướng phủ nhận sự tồn tại của Nhà nước. Mặt khác, để bảo đảm tính khách quan trong quá trình đấu tranh, xử lý tội phạm, đòi hỏi các cơ quan tiến hành tố tụng phải tuân theo một thủ tục TTHS chặt chẽ, mang tính khách quan như điều tra, truy tố, xét xử. Chế định THQCT là hình thức ghi nhận những quyền năng pháp lý TTHS thuộc nội dung quyền công tố của Nhà nước, được hình thành từ nhu cầu phát hiện và xử lý tội phạm của Nhà nước; đồng thời, là sự phản ánh các thủ tục TTHS mang tính khách quan tồn tại trong tất cả các xã hội có giai cấp và Nhà nước - là đòi hỏi tất yếu của Nhà nước khi trừng trị người phạm tội<sup>5</sup>, nên mang tính tất yếu khách quan. Nghiên cứu lịch sử tư pháp hình sự trên thế giới cho thấy, quyền công tố - hoạt động tố tụng vì lợi ích công cộng (lợi ích của Nhà nước hay của xã hội) đối với người phạm tội đã được biết đến ngay từ những thời đại xa xưa của xã hội loài người. Cùng với thời gian, quyền công tố đã dần được hình thành một cách riêng biệt và đến hôm nay, nó là một chế định pháp lý độc lập được thừa nhận chung trong luật TTHS của các Nhà nước pháp quyền, đặc biệt là của các nước văn minh và phát triển cao trên thế giới... Mặc dù chế định Viện kiểm sát (VKS) không nằm trong số các chế định được ghi nhận trong các Hiến pháp của đại đa số các nước dân chủ (vì vị trí pháp lý của VKS ở các nước này thường được điều chỉnh bằng các luật riêng biệt về tổ chức VKS và bằng pháp luật tố tụng tư pháp), nhưng quyền công tố đều được

thực hiện trong hoạt động TTHS của các nước này<sup>6</sup>.

Thực tiễn xây dựng pháp luật TTHS cho thấy, việc nghiên cứu, tổng kết, đánh giá thực tiễn thi hành pháp luật TTHS và thực tiễn, yêu cầu đấu tranh, xử lý tội phạm là yêu cầu mang tính tất yếu không thể thiếu trong quá trình xây dựng, hoàn thiện pháp luật TTHS. Chế định THQCT mặc dù đã được quy định cùng với các chế định khác của TTHS để phát hiện và xử lý tội phạm, nhưng do pháp luật được hình thành trên cơ sở phản ánh hiện thực khách quan của quá trình đấu tranh, xử lý tội phạm trong từng giai đoạn lịch sử trong khi thực tiễn, yêu cầu của đấu tranh, xử lý tội phạm luôn vận động, thay đổi cùng với những điều kiện chính trị, kinh tế, xã hội và xu hướng hội nhập quốc tế của mỗi quốc gia. Vì thế, những đòi hỏi, yêu cầu của thực tiễn đấu tranh, xử lý tội phạm trong mỗi giai đoạn là những cơ sở khách quan quy định quá trình xây dựng chế định THQCT, đòi hỏi nhà làm luật phải nghiên cứu, nhận thức đầy đủ, toàn diện, khoa học trong quá trình xây dựng và hoàn thiện chế định THQCT.

*Thứ hai*, việc xây dựng pháp luật TTHS nói chung và chế định THQCT nói riêng phải tuân thủ nguyên tắc khách quan. Nguyên tắc này đòi hỏi quá trình xây dựng chế định THQCT cũng như các chế định khác trong luật TTHS, ngoài việc nhận thức về nhu cầu, thực tiễn, yêu cầu đấu tranh, xử lý tội phạm thì trong giai đoạn hiện nay, yêu cầu điều chỉnh pháp luật đối với hoạt động tư pháp nói chung và THQCT nói riêng hướng tới thực hiện các chức năng của Nhà nước pháp quyền cũng là những cơ sở khách quan của quá

<sup>4</sup> C. Mác (1978), *Những cuộc tranh luận về luật cấm trộm củi rừng*, NXB Sự thật, Hà Nội, tr.218-219.

<sup>5</sup> Nguyễn Ngọc Chí (Chủ biên) (2018), *Các nguyên tắc cơ bản của luật Tố tụng hình sự*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.

<sup>6</sup> Trełtxôv-Bebutôv M.A (1995), *Giáo trình luật tố tụng hình sự. Lược khảo về lịch sử tòa án và tố tụng hình sự ở các nhà nước chiếm hữu nô lệ, phong kiến và tư sản, Sant-Pêtécboa*, tr. 90-91, 128-129, 647-648.

trình xây dựng chế định THQCT. Bởi lẽ, xây dựng Nhà nước pháp quyền là nhu cầu và đòi hỏi mang tính tất yếu của các Nhà nước văn minh. Các nghiên cứu về Nhà nước pháp quyền đã chỉ ra, Nhà nước pháp quyền là Nhà nước được xây dựng trên nền tảng các tư tưởng pháp lý tiên bộ của nhân loại như công bằng, nhân đạo, dân chủ và pháp chế, nhằm đảm bảo thực sự những giá trị xã hội được thừa nhận chung của nền văn minh thế giới. Trong đó, có sự tôn trọng và bảo vệ các quyền và tự do của con người, sự ngự trị của pháp luật trong các lĩnh vực sinh hoạt của xã hội, tính tối cao của luật trong các lĩnh vực hoạt động của Nhà nước, sự phân chia quyền lực (lập pháp, hành pháp và tư pháp)...<sup>7</sup>. Trong Nhà nước pháp quyền, dù là Nhà nước pháp quyền theo mô hình dân chủ tư sản như các nước Anh, Hoa Kỳ, Cộng hòa Liên bang Đức, Italia, v.v... hay là Nhà nước pháp quyền theo mô hình của chủ nghĩa xã hội dân chủ và nhân đạo như các nước Bắc Âu – Thụy Điển, Phần Lan, Đan Mạch, Na Uy, v.v..., nhánh quyền lực thứ ba (tư pháp) chính là quyền xét xử. Do vậy, việc thực hiện quyền công tố nhân danh Nhà nước của CQCT chính là sự hỗ trợ cho nhánh quyền tư pháp. Vì thế, quyền công tố thuộc nhánh quyền lực thứ hai – quyền hành pháp<sup>8</sup>. Quan điểm này được nhiều học giả trong nước đồng thuận nhưng vẫn có những quan điểm khác cho rằng hoạt động điều tra, THQCT cũng là hoạt động thực hiện quyền tư pháp. Mặc dù còn có những quan điểm khác nhau về vị trí của

quyền công tố trong Nhà nước pháp quyền nhưng các quan điểm đều thừa nhận quyền xét xử thuộc nhánh quyền lực tư pháp; quyền công tố là quyền độc lập với quyền xét xử nhưng luôn gắn với quyền xét xử. Những yêu cầu này trong tổ chức thực hiện quyền tư pháp, quyền công tố trong Nhà nước pháp quyền là xu hướng tất yếu, là cơ sở khách quan quy định việc xây dựng pháp luật về tư pháp nói chung, chế định THQCT nói riêng để đảm bảo cho Nhà nước thực hiện được các hoạt động tư pháp, hoạt động THQCT, hướng tới việc thực hiện chức năng của Nhà nước pháp quyền.

*b) Chế định THQCT mang tính độc lập tương đối với chế định khác trong tổ tụng hình sự*

Luật TTHS dùng để chỉ tổng hợp các quy phạm pháp luật của Nhà nước điều chỉnh các quan hệ xã hội phát sinh trong quá trình giải quyết vụ án hình sự - quá trình phát hiện, khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử và tổ chức thi hành bản án hình sự. Các quy phạm pháp luật TTHS có liên hệ mật thiết và thống nhất, tạo cơ sở pháp lý đồng bộ để bảo đảm phát hiện và xử lý tội phạm. Theo quan điểm tiếp cận về cấu trúc bên trong của hệ thống pháp luật, luật TTHS được cấu thành bởi nhiều chế định pháp luật mà giữa chúng vừa có mối quan hệ hữu cơ như một chỉnh thể thống nhất, vừa có tính độc lập tương đối.

Tiếp cận nghiên cứu dưới góc độ chức năng của TTHS cho thấy, trong TTHS, tham gia vào quá trình giải quyết vụ án hình sự đều có các chủ thể như: Cơ quan điều tra (CQĐT) hoặc các thiết chế tương tự, ĐTV, Cán bộ điều tra hoặc các chức danh tương tự; CQCT, Công tố viên hoặc các chức danh tương tự; Tòa án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử (HĐXX) hoặc các thiết chế tương tự; người thực hiện hành vi phạm tội, người bào chữa, người phiên dịch và

<sup>7</sup> Lê Văn Cẩm (1999), *Hoàn thiện pháp luật hình sự Việt Nam trong giai đoạn xây dựng Nhà nước pháp quyền (Một số vấn đề cơ bản của Phân chung)*, NXB Công an nhân dân, Hà Nội, tr.18-19.

<sup>8</sup> Lê Văn Cẩm (1997), *Học thuyết về Nhà nước pháp quyền và thực tiễn của nó ở Liên bang Nga*, NXB Sáng tạo thuộc Hội Khoa học-kỹ thuật Việt Nam tại LB Nga, Matxcova.



những người tham gia tố tụng khác; các cơ quan, tổ chức có trách nhiệm phối hợp với CQĐT, cơ quan có thẩm quyền điều tra, Tòa án khi có yêu cầu trong quá trình giải quyết vụ án hình sự. Và tùy vào vị trí, vai trò, nhiệm vụ, quyền hạn của mỗi chủ thể, các chủ thể tham gia thực hiện các chức năng của TTHS tồn tại trong một chỉnh thể thống nhất. Tuy nhiên, khi tiếp cận dưới góc độ chức năng của TTHS, mỗi chức năng có vị trí, vai trò và nội dung khác nhau. Quan niệm phổ biến hiện nay cho rằng, chức năng cơ bản của TTHS chỉ có ba loại, đó là buộc tội, bào chữa và xét xử. Các chức năng này là độc lập, có mối quan hệ biện chứng với nhau trong TTHS, không thể thay thế nhau do nhiệm vụ, quyền hạn của các chủ thể thực hiện chức năng được Hiến pháp và pháp luật quy định riêng. Thực tiễn pháp lý đã thừa nhận, ba chức năng cơ bản của TTHS là ba chế định pháp lý độc lập của luật TTHS. Trong đó, chức năng buộc tội thực chất là chức năng truy cứu TNHS đối với người phạm tội, đồng thời, hình thức buộc tội nhân danh Nhà nước (nhân danh quyền lực công) giữ vai trò là khâu khởi động cho hoạt động tố tụng, nên chức năng này được gọi là chức năng THQCT<sup>9</sup>. Xét ở góc độ lý luận, nội dung của chức năng THQCT là tổng hợp các quyền năng pháp lý độc lập được pháp luật TTHS quy định để truy cứu TNHS đối với người phạm tội<sup>10</sup>. Nói cách khác, chế định THQCT bao gồm tổng hợp các quy phạm pháp luật TTHS quy định những quyền năng pháp lý để thực hiện việc truy cứu TNHS đối với người phạm tội, là

hình thức ghi nhận chức năng độc lập của TTHS. Chế định THQCT là một chế định pháp lý độc lập trong luật TTHS.

Chế định THQCT có tính độc lập tương đối trong luật TTHS vì nó tồn tại trong một chỉnh thể thống nhất với các chế định pháp lý khác, hình thành nên ngành luật TTHS. Trong quá trình giải quyết vụ án hình sự, khi xem xét dưới góc độ chức năng TTHS của các chủ thể tiến hành tố tụng (CQĐT hoặc các thiết chế tương tự CQĐT, Tòa án) thì dưới góc độ chung, CQĐT hoặc các thiết chế tương tự, CQĐT, Tòa án đều có chức năng TTHS độc lập, có sự kiểm tra, giám sát, chế ước lẫn nhau với những mức độ và hình thức nhất định; đồng thời cũng có những quan hệ phối hợp nhằm bảo đảm việc phát hiện, xử lý tội phạm được nhanh chóng, kịp thời và đúng pháp luật. Khi xem xét điều chỉnh của BLTTHS theo các chức năng TTHS, chế định THQCT có mối quan hệ với các chế định khác của luật TTHS, đó là mối quan hệ hữu cơ, tồn tại trong một thể thống nhất trong việc thực hiện các chức năng cơ bản của TTHS: chức năng buộc tội, chức năng bào chữa và chức năng xét xử. Chức năng buộc tội có vai trò quan trọng, thu hút hoạt động của nhiều chủ thể tham gia thuộc CQĐT hoặc các thiết chế tương tự, CQĐT, người bào chữa, người tham gia tố tụng. Với tính chất là một phương hướng hoạt động TTHS, chức năng này có nội dung là các quyền năng pháp lý được luật TTHS quy định trong các giai đoạn điều tra, truy tố, xét xử; có mục đích phát hiện nhanh chóng, kịp thời và xử lý theo pháp luật mọi hành vi phạm tội. Trong một vụ án hình sự, thời điểm bắt đầu thực hiện việc truy cứu TNHS người phạm tội làm khởi động một quá trình TTHS thì hoạt động bào chữa là hành động tự vệ hợp pháp của người bị buộc tội. Chức năng bào chữa xuất phát từ quyền được bào chữa của người bị buộc tội. Do đó, chức năng này phát sinh ngay

<sup>9</sup> Nguyễn Mạnh Hùng (2012), *Các chức năng trong tố tụng hình sự Việt Nam, những vấn đề lý luận và thực tiễn*, Luận án tiến sĩ luật học, Học viện Khoa học xã hội, Hà Nội, tr.7-8.

<sup>10</sup> Lê Thị Tuyết Hoa (2005), *Quyền công tố ở Việt Nam*, Luận án tiến sĩ luật học, Viện nghiên cứu Nhà nước và pháp luật, Hà Nội, tr.53.

sau khi có quyết định buộc tội của CQCT và cũng được hiện diện trong cả ba giai đoạn tố tụng là điều tra, truy tố và xét xử. Mục đích của chức năng bào chữa là trao cho người bị buộc tội cơ hội được bảo vệ những quyền lợi chính đáng trong TTHS, hỗ trợ họ tự vệ trước những cáo buộc của bên buộc tội và là một đòi hỏi khách quan của nguyên tắc “công bằng”, đồng thời bảo đảm tính nhân đạo của pháp luật. Tương tự như căn cứ phát sinh chức năng bào chữa, trong một vụ án hình sự, hoạt động truy tố người phạm tội ra Tòa án là cơ sở để Tòa án xem xét mở phiên tòa xét xử. Không có truy tố người phạm tội ra Tòa án thì không có xét xử. Chức năng xét xử là một dạng hoạt động thực hiện quyền lực Nhà nước do Tòa án nhân danh Nhà nước thực hiện theo quy định của pháp luật mà nội dung của chức năng này là xem xét, đánh giá tính chính xác đối với sự kiện phạm tội xảy ra và người bị buộc tội đã thực hiện hành vi phạm tội đó để đánh giá pháp lý về sự kiện do các bên buộc tội, bên bào chữa đưa ra và đưa ra phán quyết cuối cùng về vụ án đưa ra xét xử. Xét xử giữ vị trí trung tâm, có tính chất quyết định trong các chức năng tố tụng và hoạt động TTHS nên trong mối quan hệ giữa các chức năng cơ bản của TTHS, chức năng xét xử có khả năng kiểm soát việc thực hiện chức năng buộc tội và chức năng bào chữa<sup>13</sup>.

Luật TTHS ghi nhận các quyền năng pháp lý để thực hiện ba chức năng cơ bản của TTHS nên có mối quan hệ mật thiết, trong một thể thống nhất. Trong đó, điều chỉnh của luật TTHS đối với việc thực hiện chức năng buộc tội sẽ làm phát sinh việc thực hiện chức năng bào chữa và là cơ sở để khởi động việc thực hiện chức năng xét xử. Chức năng xét xử có khả năng kiểm soát việc thực hiện chức năng buộc tội và chức năng bào chữa và được thể hiện rõ

nét nhất tại phiên tòa khi Tòa án (HĐXX) chủ trì, điều hành phiên xét xử có sự tham gia của chủ thể buộc tội, người bào chữa, bị cáo và những người tham gia tố tụng có liên quan đến vụ án nhằm đảm bảo cho phiên tòa diễn ra công bằng, khách quan, đúng pháp luật, là cơ sở để HĐXX đưa ra phán quyết cuối cùng về TNHS đối với người bị truy tố. Chức năng buộc tội được thực hiện đồng thời với chức năng bào chữa và chức năng xét xử trên cơ sở tuân thủ các nguyên tắc của luật TTHS mới bảo đảm giải quyết vụ án khách quan, công minh, công bằng, bảo vệ công lý, bảo vệ quyền con người.

*c) Quan hệ xã hội phát sinh từ hoạt động THQCT truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người phạm tội là đối tượng điều chỉnh của chế định THQCT trong tố tụng hình sự*

Trên cơ sở tiếp cận đối tượng điều chỉnh của pháp luật là các quan hệ xã hội cần sự điều chỉnh bằng pháp luật, khoa học pháp lý TTHS cho rằng: “Luật TTHS có đối tượng điều chỉnh là các quan hệ xã hội xuất hiện trong quá trình giải quyết vụ án hình sự mà nội dung là quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm của các chủ thể buộc tội, chủ thể gỡ tội và chủ thể xét xử trong vụ án hình sự”<sup>14</sup>. Chế định THQCT là một chế định trong luật TTHS có đối tượng điều chỉnh là quan hệ xã hội phát sinh từ hoạt động THQCT truy cứu TNHS đối với người phạm tội. Điều chỉnh của chế định THQCT đối với quan hệ xã hội phát sinh từ hoạt động THQCT làm phát sinh quyền và nghĩa vụ pháp lý của các chủ thể liên quan, đồng thời là cơ sở hình thành nên quan hệ pháp luật TTHS trong lĩnh vực này. Trong mối quan hệ giữa các chủ thể có liên quan khi THQCT truy cứu TNHS đối với người phạm tội, quyền của chủ thể này là nghĩa vụ, trách nhiệm của chủ thể kia và ngược lại, bao gồm:

<sup>14</sup> Nguyễn Ngọc Chí, Lê Lan Chi (chủ biên) (2019), *Giáo trình luật tố tụng hình sự Việt Nam*, NXB Đại học Quốc gia, Hà Nội, tr.22.

<sup>13</sup> Nguyễn Mạnh Hùng, *tlđd*, tr.10.

Quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm của CQCT; quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm của CQĐT hoặc các thiết chế tương tự; quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm của Tòa án; quyền, nghĩa vụ của người bị buộc tội và những chủ thể khác theo quy định của luật TTHS (sau đây gọi chung là quyền, nghĩa vụ của người tham gia tố tụng).

Việc xác định đối tượng điều chỉnh của chế định THQCT có ý nghĩa rất quan trọng trong công tác xây dựng và thực thi pháp luật TTHS khi tiến hành tố tụng giải quyết vụ án. Thực tiễn xây dựng pháp luật TTHS cho thấy, để xác định đúng đối tượng điều chỉnh của chế định THQCT đòi hỏi nhà làm luật phải dựa trên những cơ sở khoa học sau đây: *Một là*, đánh giá được hiện trạng các quan hệ xã hội cần điều chỉnh bởi chế định THQCT. Trong đó, cần xác định rõ hiện tại có những loại quan hệ xã hội nào cần điều chỉnh bằng chế định THQCT, tránh bỏ lọt quan hệ cần điều chỉnh, đồng thời cũng tránh sự chồng chéo trong sự điều chỉnh của các chế định pháp luật TTHS. *Hai là*, thực trạng điều chỉnh của chế định THQCT trong TTHS hiện hành. Cần xác định hiện đang có những quy phạm pháp luật TTHS nào còn có vai trò tích cực trong sự điều chỉnh, quy phạm pháp luật TTHS nào không còn phù hợp với mục đích, yêu cầu của THQCT, từ đó xác định cần sửa đổi, bổ sung hay ban hành mới những quy phạm pháp luật TTHS để đáp ứng yêu cầu, mục đích nêu trên. *Ba là*, căn cứ vào định hướng, yêu cầu hoàn thiện chế định THQCT được thể hiện trong các văn bản chính trị, văn bản của Nhà nước, yêu cầu của công tác đấu tranh, xử lý tội phạm và các yêu cầu khác tùy vào điều kiện chính trị, kinh tế - xã hội của mỗi quốc gia.

Trong nghiên cứu pháp luật, chế định THQCT là một chế định trong luật TTHS có mối liên hệ mật thiết và tồn tại trong

một chỉnh thể với các chế định pháp luật TTHS khác để thực hiện nhiệm vụ của luật TTHS. Kết quả nghiên cứu về phạm vi THQCT đã chỉ ra, THQCT trong TTHS được thực hiện liên tục, xuyên suốt trong quá trình giải quyết vụ án hình sự, từ khi có tội phạm xảy ra và trong suốt quá trình khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử vụ án hình sự. Tham gia vào quá trình truy cứu TNHS không chỉ có CQCT mà còn có các chủ thể khác như CQĐT hoặc các thiết chế tương tự, người tham gia tố tụng. Quan hệ xã hội phát sinh khi CQCT cùng các chủ thể này tham gia vào quá trình truy cứu TNHS đối với người phạm tội là đối tượng điều chỉnh của chế định THQCT.

Hiện nay, trong khoa học pháp lý ở Việt Nam vẫn có quan điểm cho rằng CQĐT, các cơ quan được giao tiến hành một số hoạt động điều tra, Tòa án cùng là cơ quan THQCT vì cũng tham gia vào quá trình truy cứu TNHS nên các quan hệ xã hội phát sinh khi CQĐT, các cơ quan được giao tiến hành một số hoạt động điều tra, Tòa án tiến hành một số biện pháp TTHS để truy cứu TNHS đối với người phạm tội cũng là đối tượng điều chỉnh của chế định THQCT. Tuy nhiên, chúng tôi đồng tình với quan điểm chỉ có cơ quan nào sử dụng tất cả các quyền năng pháp lý cần thiết để truy cứu TNHS đối với người phạm tội trong cả giai đoạn điều tra tội phạm và giai đoạn xét xử hình sự tại Tòa án thì đó là cơ quan THQCT<sup>15</sup>. Do vậy, quan hệ xã hội là đối tượng điều chỉnh của chế định THQCT phải có những đặc điểm sau: *Một là*, quan hệ xã hội có cùng tính chất – cùng là đối tượng điều chỉnh của ngành luật TTHS, phát sinh trong khi THQCT truy cứu TNHS đối với người phạm tội (trong quá trình thu thập chứng cứ chứng minh tội phạm, người thực hiện hành vi phạm tội và các tình tiết khác của vụ án, truy tố người phạm tội ra Tòa án và

<sup>15</sup> Lê Thị Tuyết Hoa (2005), Tlđd.



thực hiện việc buộc tội tại phiên tòa). *Hai là*, chủ thể tham gia quan hệ xã hội phát sinh từ hoạt động THQCT truy cứu TNHS đối với người phạm tội là CQCT (thông qua hoạt động TTHS của người có thẩm quyền THQCT) và các chủ thể khác (CQĐT hoặc các thiết chế tương tự, Tòa án, người tham gia tố tụng), trong đó CQCT luôn là một bên chủ thể của quan hệ xã hội phát sinh hoạt động THQCT. *Ba là*, nội dung của quan hệ xã hội này bao gồm quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm của CQCT (thực hiện thông qua người có thẩm quyền); quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm của các chủ thể khác, trong đó, quyền của CQCT là nghĩa vụ, trách nhiệm của các chủ thể khác và ngược lại, quyền của các chủ thể khác là nghĩa vụ, trách nhiệm của CQCT.

Căn cứ đặc điểm pháp lý của các chủ thể khi tham gia vào quan hệ xã hội là đối tượng điều chỉnh của chế định THQCT, có thể phân loại quan hệ xã hội là đối tượng điều chỉnh của chế định THQCT thành hai nhóm sau:

*Nhóm thứ nhất*, quan hệ xã hội phát sinh giữa CQCT với CQĐT hoặc các thiết chế tương tự, Tòa án khi CQCT tiến hành các hoạt động THQCT truy cứu TNHS đối với người phạm tội. Do CQCT, CQĐT hoặc các thiết chế tương tự, Tòa án đều là cơ quan Nhà nước có chức năng độc lập để tiến hành tố tụng giải quyết vụ án hình sự nên phương pháp điều chỉnh quan hệ xã hội phát sinh giữa CQCT với CQĐT hoặc các thiết chế tương tự, Tòa án khi CQCT tiến hành hoạt động THQCT được thực hiện trên nguyên tắc phối hợp - chế ước lẫn nhau.

*Nhóm thứ hai*, quan hệ xã hội phát sinh giữa CQCT với người tham gia tố tụng khi CQCT thực hiện hoạt động THQCT truy cứu TNHS đối với người phạm tội. Các chủ thể tham gia quan hệ xã hội phát sinh từ hoạt động THQCT có một bên chủ thể

là CQCT đại diện cho Nhà nước thực hiện quyền công tố và một bên là những người tham gia tố tụng nên các quan hệ này được hình thành và thực hiện trên nguyên tắc quyền uy. Các lệnh, quyết định của CQCT có tính chất bắt buộc đối với những người tham gia tố tụng bị tội phạm xâm hại, những người tham gia tố tụng khác và cơ quan, tổ chức, cá nhân trong quá trình truy cứu TNHS. Tuy nhiên, hoạt động truy cứu trách nhiệm là một hoạt động đặc thù, có nguy cơ xâm hại đến quyền con người, quyền cơ bản của công dân nên trong TTHS đòi hỏi CQCT cũng như các cơ quan, người tiến hành tố tụng khác phải có trách nhiệm tôn trọng, bảo đảm quyền của người tham gia tố tụng không bị pháp luật hạn chế; bảo đảm thực hiện các quyền của những người tham gia tố tụng được luật TTHS quy định.

Như vậy, đối tượng điều chỉnh của chế định THQCT là quan hệ xã hội phát sinh từ hoạt động THQCT truy cứu TNHS đối với người phạm tội. Trong đó, quan hệ xã hội phát sinh giữa CQCT với CQĐT hoặc các thiết chế tương tự, Tòa án khi CQCT tiến hành hoạt động THQCT được hình thành và thực hiện trên cơ sở nguyên tắc phối hợp - chế ước; quan hệ xã hội phát sinh giữa CQCT với người tham gia tố tụng khi CQCT tiến hành hoạt động THQCT được hình thành và thực hiện trên cơ sở nguyên tắc quyền uy.

#### *d) Phạm vi điều chỉnh của chế định THQCT*

Phạm vi điều chỉnh của chế định THQCT được hiểu là giới hạn tác động của chế định THQCT đối với quan hệ xã hội phát sinh trong quá trình giải quyết vụ án hình sự.

Trong hoạt động xây dựng pháp luật, việc xác định phạm vi điều chỉnh của chế định pháp luật có vai trò rất quan trọng, trực tiếp ảnh hưởng tới chất lượng, tính



đồng bộ của hệ thống pháp luật. Chế định THQCT trong TTHS vì thế cũng cần phải được xác định rõ ràng phạm vi điều chỉnh. Xuất phát từ đặc điểm quyền công tố và THQCT trong quá trình xây dựng pháp luật TTHS đòi hỏi nhà làm luật phải giới hạn được tác động của chế định THQCT đến các quan hệ xã hội xuất hiện trong quá trình truy cứu TNHS đối với người phạm tội. Nói cách khác, khi soạn thảo các quy phạm của chế định THQCT, nhà làm luật cần xác định chế định THQCT điều chỉnh những loại quan hệ xã hội nào với mức độ, cấp độ ra sao trong mối tương tác với các chế định khác của Luật TTHS và tác động tích cực hay tiêu cực đến chất lượng, hiệu quả hoạt động THQCT. Ngoài ra, chế định THQCT khi được xây dựng không chỉ hướng tới việc phát hiện kịp thời, xử lý nhanh chóng tội phạm mà còn phải bảo đảm tính khách quan, đề cao mục đích bảo vệ công lý, bảo vệ quyền con người. Thực chất, đây là những yêu cầu của pháp luật về chế định THQCT mang tính tất yếu do nó ảnh hưởng tới chất lượng chế định, tính đồng bộ của hệ thống pháp luật. Các biểu hiện trùng lặp, chồng chéo, mâu thuẫn... giữa quy phạm pháp luật thuộc chế định THQCT với quy phạm của các chế định khác trong luật TTHS cũng như trong toàn bộ hệ thống pháp luật là chi dấu của chất lượng kém trong quá trình lập pháp.

Trong nghiên cứu về phạm vi điều chỉnh của chế định THQCT, cần xem xét mối quan hệ giữa quyền công tố với THQCT và giữa THQCT với chế định THQCT trong TTHS. Quyền công tố có nội dung là sự buộc tội đối với người thực hiện hành vi phạm tội; THQCT là tổng hợp các quyền năng pháp lý TTHS để thực hiện sự buộc tội đối với người thực hiện hành vi phạm tội; Chế định THQCT bao gồm các quy phạm pháp luật TTHS quy định các quyền năng pháp lý TTHS để thực hiện sự buộc tội đối với người thực hiện hành vi

phạm tội. Với cách tiếp cận trên, phạm vi điều chỉnh của chế định THQCT được quy định bởi phạm vi, nội dung của THQCT. Theo đó, phạm vi điều chỉnh của chế định THQCT là điều chỉnh của luật TTHS đối với các quan hệ xã hội phát sinh từ hoạt động THQCT truy cứu TNHS đối với người phạm tội từ khi có tội phạm xảy ra và trong suốt quá trình khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử. Nói cách khác, phạm vi điều chỉnh của chế định THQCT là điều chỉnh của luật TTHS đối với các quan hệ xã hội phát sinh từ hoạt động THQCT của CQCT trong quá trình phát hiện, khởi tố, điều tra thu thập chứng cứ chứng minh tội phạm, người thực hiện hành vi phạm tội và các tình tiết khác của vụ án; truy tố người phạm tội ra Tòa án và thực hiện việc buộc tội tại phiên tòa; kháng nghị bản án, quyết định của Tòa án nếu bản án, quyết định của Tòa án có vi phạm pháp luật. Trên cơ sở đó pháp luật TTHS quy định cụ thể phạm vi, giới hạn quyền và nghĩa vụ của các chủ thể có liên quan, nhất là quyền và nghĩa vụ của chủ thể tham gia quan hệ xã hội phát sinh từ hoạt động THQCT hình thành nên nội dung của chế định THQCT trong TTHS.

Từ những phân tích nêu trên, có thể đưa ra khái niệm chế định THQCT như sau: *Chế định thực hành quyền công tố là một chế định của luật tố tụng hình sự bao gồm tổng hợp các quy phạm pháp luật điều chỉnh quan hệ xã hội phát sinh từ hoạt động thực hành quyền công tố truy cứu trách nhiệm hình sự đối với cá nhân, pháp nhân phạm tội thông qua việc quy định nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm; quyền và nghĩa vụ của cơ quan công tố và các chủ thể có liên quan khác và trình tự, thủ tục thực hành quyền công tố.*

(Còn tiếp)